

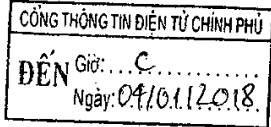
TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2129/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án cơ cấu lại
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 25/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2016 - 2020”;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020 với những nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU

- Xây dựng và phát triển Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) thành tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh, năng động, hiệu quả, hiện đại, có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế; thực hiện tốt nhiệm vụ công ích; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; làm nòng cốt để ngành viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

- Cơ cấu lại VNPT để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ số (Digital Services) hàng đầu tại Việt Nam và Trung tâm giao dịch số (Digital Hub) tại thị trường Đông Nam Á và Châu Á. Từng bước chuyển dịch cơ cấu tăng trưởng từ các dịch vụ viễn thông truyền thống sang dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và dịch vụ số theo chiến lược phát triển VNPT giai đoạn 2017-2025.

- Đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân trên 6,5%/năm, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân trên 10,8%/năm; giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân trên 7,7%/năm, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân trên 11%/năm. Phân đầu đến năm 2022, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tương đương với các doanh nghiệp cùng ngành nghề.

II. NỘI DUNG

1. Ngành nghề kinh doanh

a) Ngành, nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện và các dịch vụ số khác.

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê công trình, thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin.

- Nghiên cứu, phát triển, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện.

b) Ngành, nghề liên quan phục vụ trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính

- Đầu tư tài chính trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện và các dịch vụ số khác.

- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường, tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; bồi dưỡng, cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện và các dịch vụ số khác.

- Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, cơ sở nhà đất hiện có của VNPT.

2. Kế hoạch sắp xếp, cơ cấu lại VNPT giai đoạn 2018 - 2020

a) Thành lập Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT-IT) hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ VNPT trên cơ sở sắp xếp lại các bộ phận, đơn vị quản lý, sản xuất kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của VNPT và Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) để tối ưu hóa nguồn lực, tránh chồng chéo.

b) Sáp nhập Bệnh viện Phục hồi chức năng Bưu điện (tại thành phố Hải Phòng) vào Bệnh viện Bưu điện (tại thành phố Hà Nội). Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với Bệnh viện Bưu điện (sau khi sáp nhập), Bệnh viện Đa khoa Bưu điện (tại thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Cơ cấu lại hoạt động kinh doanh quốc tế của Công ty Viễn thông Quốc tế (VNPT - I) theo hướng:

- Tách nhiệm vụ và nguồn lực của Công ty Viễn thông quốc tế (VNPT-I) trong tổ chức, vận hành, khai thác hệ thống vệ tinh Vinasat 1, Vinasat 2 để chuyển về Tổng công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net) quản lý.

- Chuyển Công ty Viễn thông quốc tế (VNPT-I) (còn lại sau khi tách) về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) để kinh doanh dịch vụ viễn thông quốc tế và dịch vụ vệ tinh.

d) Nghiên cứu thành lập Công ty TNHH một thành viên Đầu tư quốc tế VNPT (VNPT Global) do VNPT sở hữu 100% vốn điều lệ khi đủ điều kiện để đầu tư kinh doanh ở thị trường quốc tế sau khi hoàn thành cổ phần hóa Công ty mẹ - VNPT; bảo đảm hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

đ) Tiếp tục duy trì Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone) theo mô hình hạch toán độc lập. Trong quá trình cổ phần hóa, nghiên cứu cơ chế hạch toán của VNPT Vinaphone để bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

e) Nâng cao hiệu quả hoạt động và sắp xếp lại các doanh nghiệp có vốn góp của VNPT sau:

- Chuyển giao phần vốn góp của VNPT tại các doanh nghiệp: (1) Công ty cổ phần Truyền thông (VMG); (2) Công ty cổ phần Thanh toán điện tử VNPT (VNPT-EPAY), (3) Công ty cổ phần Thanh toán quốc gia Việt Nam (Napas), (4) Công ty cổ phần phát triển dịch vụ học tập và giải trí trực tuyến VDC (VDC-Net2E), (5) Công ty cổ phần Truyền thông, Quảng cáo, đa phương tiện (SMJ) về Tổng công ty Truyền thông (VNPT-Media) quản lý để hình thành chuỗi các đơn vị nghiên cứu, phát triển, cung cấp sản phẩm dịch vụ nội dung số, giá trị gia tăng, truyền thông, đa phương tiện của VNPT.

- Chuyển giao phần vốn của VNPT tại các doanh nghiệp: (1) Công ty VNPT Global HK (VNPT G HK); (2) Công ty ACASIA-Malaysia (ACASIA); (3) Công ty ATH-Malaysia (ATH); (4) Liên doanh Stream Net (Myanmar) về VNPT Global (sau khi thành lập) để quản lý các hoạt động đầu tư quốc tế và phát triển sản phẩm dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin của VNPT tại thị trường nước ngoài.

- Sáp nhập Công ty cổ phần Vật tư Bưu điện (Potmasco) vào Công ty cổ phần Cokyvina theo quy định.

- Sáp nhập Công ty cổ phần KASATI vào Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện CT-IN và tăng tỷ lệ vốn góp của VNPT tại CT-IN đạt mức trên 35% vốn điều lệ theo quy định.

g) Giải thể Văn phòng đại diện VNPT tại thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

3. Tiếp tục lộ trình thoái vốn theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

4. Cơ cấu của VNPT sau khi sắp xếp, tổ chức lại:

a) Công ty mẹ - VNPT là công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Các đơn vị hạch phụ thuộc:

- Tổng công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net).

- Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT - IT).

- 63 Viễn thông tỉnh, thành phố (VNPT tỉnh, thành phố)

- Trung tâm Nghiên cứu Phát triển (VNPT - RD).

- Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ I, II, III.

c) Đơn vị sự nghiệp:

- Bệnh viện Bưu điện.

- Bệnh viện Đa khoa Bưu điện.

d) Các công ty con:

- Tổng công ty Dịch vụ viễn thông (VNPT Vinaphone).

- Tổng công ty Truyền thông (VNPT Media).

- Công ty Đầu tư quốc tế VNPT (VNPT Global) (nghiên cứu thành lập sau khi hoàn thành cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn).

- Công ty cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông (VNPT Technology).

- Công ty cổ phần Viễn thông Tin học Bưu điện (CT-IN).

- Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF).
- Công ty VNPT GLOBAL HK (dự kiến chuyển giao vốn về VNPT Global sau khi thành lập).

đ) Các công ty liên kết:

- Công ty cổ phần COKYVINA
- Công ty cổ phần Phát triển công nghệ và Truyền thông (VNTT)
- Công ty cổ phần Quản lý tòa nhà VNPT (VNPT PMC)
- Công ty cổ phần những trang vàng Việt Nam (VNYP)
- Công ty cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In Bưu điện (PTP)
- Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ và Truyền thông (NEO)
- Công ty cổ phần Dịch vụ số liệu toàn cầu (GDS)
- Công ty ATH Malaysia (dự kiến chuyển giao vốn về VNPT Global sau khi thành lập).
- Công ty ACASIA Malaysia (dự kiến chuyển giao vốn về VNPT Global sau khi thành lập).

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nâng cao quản trị doanh nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực như sau:

- a) Hoàn thiện cơ chế quản lý;
- b) Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, điều hành;
- c) Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, kế toán; quản lý tài sản, nguồn vốn và đảm bảo cân đối dòng tiền. Tăng cường thực hành tiết kiệm, quản lý chặt chẽ chi phí, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm và dịch vụ;
- d) Quản lý sử dụng lao động hiệu quả, cải cách cơ chế tiền lương; phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật mới nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động trong toàn Tập đoàn;
- e) Tăng cường công tác quản lý dự án đầu tư, đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư; đánh giá toàn diện các phương án kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài để bảo đảm hiệu quả, bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Khẩn trương xử lý dứt điểm các dự án, doanh nghiệp yếu kém thua lỗ thuộc VNPT.
- g) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; phòng chống tham nhũng, lãng phí.

6. Triển khai cổ phần hóa Công ty mẹ - VNPT bảo đảm hoàn thành cổ phần hóa Tập đoàn trong năm 2019 theo đúng quy định tại công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

III. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; định kỳ hàng quý báo cáo Thủ tướng Chính phủ; chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nội dung sắp xếp, cơ cấu lại theo đề xuất của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, kịp thời xử lý những vướng mắc nảy sinh hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội theo thẩm quyền phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 1 Mục III Điều này.

3. Căn cứ mục tiêu cơ cấu lại giai đoạn 2018-2020 tại mục I Điều này, Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam:

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt quan điểm, mục tiêu và các nội dung Phương án cơ cấu lại nhằm tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong quá trình triển khai thực hiện đối với các đơn vị thành viên, cán bộ lãnh đạo và người lao động trong toàn Tập đoàn.

b) Sắp xếp, cơ cấu lại các doanh nghiệp thành viên theo quy định tại khoản 2 Mục II Điều này theo thẩm quyền;

c) Hoàn thành việc thoái vốn theo quy định tại khoản 3 Mục II Điều này.

d) Nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động, giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 5 Mục II Điều này.

đ) Triển khai thực hiện cổ phần hóa Công ty mẹ - VNPT theo quy định theo khoản 6 Mục II Điều này. Trong quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - VNPT, nghiên cứu, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét đề trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế hạch toán của VNPT - Vinaphone để bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

e) Sau khi cổ phần hóa Công ty Mẹ - VNPT, nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Đề án thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư quốc tế VNPT do VNPT sở hữu 100% vốn điều lệ theo quy định trên cơ sở rà soát, tính toán kỹ các dự án đầu tư ra nước ngoài, bảo đảm hiệu quả, bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

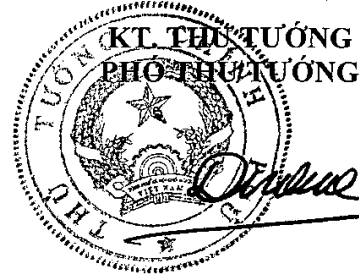
g) Định kỳ hàng quý báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp kết quả thực hiện Phương án này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

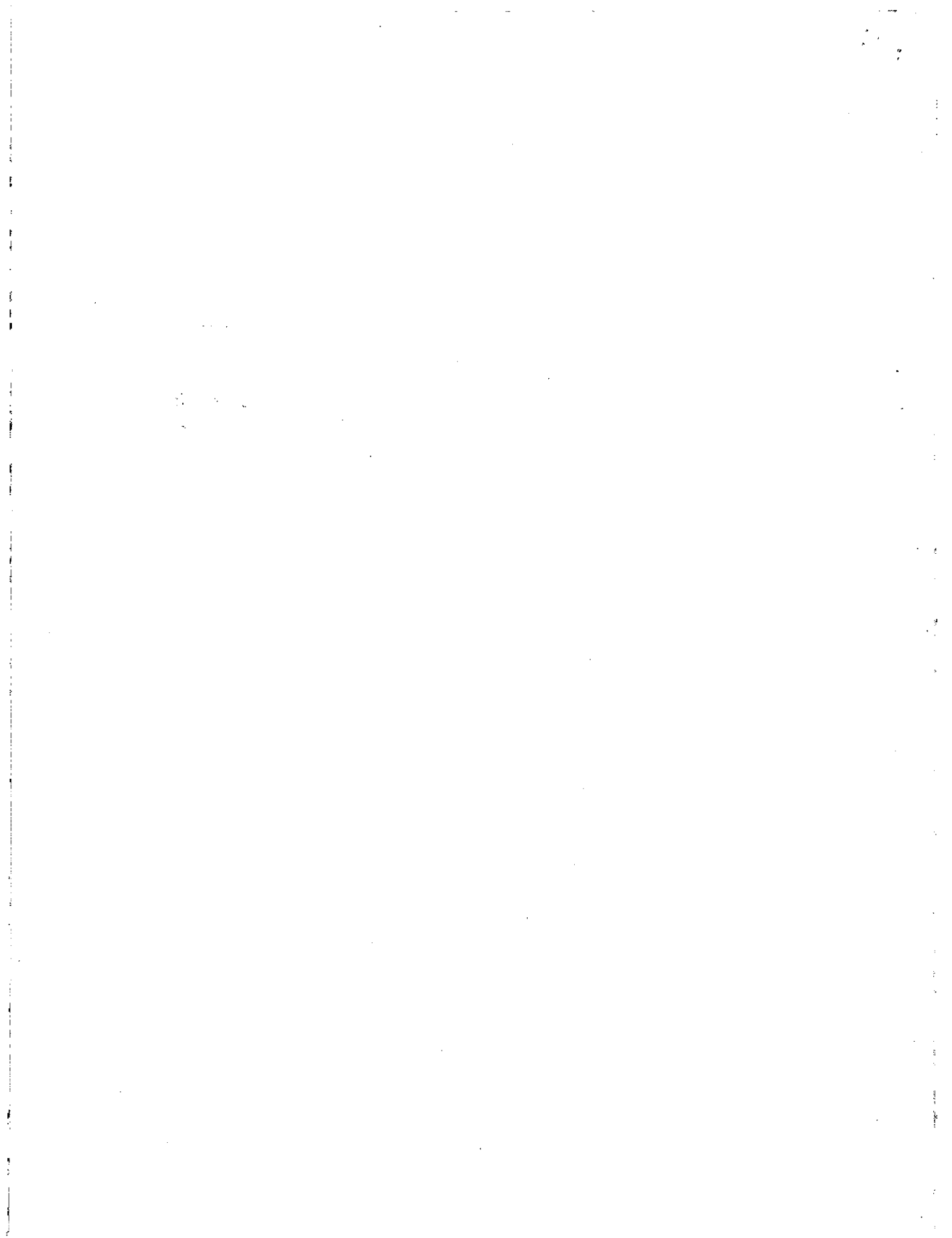
Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Hội đồng thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ: TT&TT, TC, KH&ĐT, LĐ-TB&XH, Nội vụ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ: CN, KTTH, KGVX;
- Lưu: VT, ĐMDN (2b) 18



Vương Đình Huệ





Phụ lục
Kế hoạch thoái vốn giai đoạn 2018 - 2020
kèm theo Quyết định số 1129/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2017)

STT	Tên đơn vị	Tên viết tắt	Giá trị sổ sách (triệu đồng)
Năm 2018			
1	Công ty Cổ phần HACISCO	HACISCO	38,160
2	Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông	LTC	16,310
3	Công ty Cổ phần Khách sạn Bưu điện Nha Trang	P&T Hotel	7,467
4	Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam	QTC	6,350
5	CTCP Công nghệ viễn thông	VITECO	15,612
6	CTCP dịch vụ kỹ thuật viễn thông	TST	48,000
7	CTCP Dịch vụ Xây dựng Công trình Bưu điện	PTCO	3,600
8	Công ty Cổ phần Thiết kế Viễn thông Tin học Đà Nẵng	DNTD	900
9	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	AITS	13,200
10	Công ty Cổ phần Phát triển Công trình Viễn thông	TELCOM	24,500
11	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Hải Phòng	HPPC	3,164
12	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	PTF	500,000
13	Quỹ đầu tư Việt Nam	BVIM	2,100
14	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	MSB	579,907
15	Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông	VNPT LAND	140,000
16	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	SPT	68,430
17	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	CTC	1,500
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Viễn thông Cần Thơ	CTC	1,500
19	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Viễn thông Đồng Tháp	DTC	4,400
20	Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư và Phát triển Bưu điện Hà Nội	HADIC	1,200
21	Công ty Cổ phần Phát triển Viễn thông Bắc Miền Trung (Công ty cổ phần Phát triển Viễn thông Quảng Trị)	CTD	1,440

22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn thông Vũng Tàu	VPC	2,000
23	Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Huế	HUTIC	1,500
24	Công ty Cổ phần CADICO	CADICO	2,940
25	Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây lắp Viễn thông Bạc Liêu	TIC	1,680
26	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Kiên Giang	KAS	2,000
27	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Xây lắp Viễn thông Đà Lạt	DTC	2,200
28	Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Bưu điện Gia Lai	GPT	1,380
29	Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Bưu điện Cà Mau	CTAS JSC	2,600
30	Quỹ SFA2	SFA2	6,930
31	Quỹ VF2	VF2	2,690
32	Công ty TNHH sản xuất thiết bị viễn thông	TELEQ	93,028
33	Công ty Trách nhiệm hữu hạn ("TNHH") Thiết bị Viễn thông ANSV	ANSV	96,261
34	CTCP Vật tư Bưu điện	POTMASCO	9,180
35	CTCP KASATI	KASATI	13,475
36	Công ty TNHH VKX	VKX	48,596
37	Công ty cổ phần ("CTCP") Viễn thông Điện tử VINACAP	VINACAP	156,000
38	CTCP viễn thông VTC	VTC	45,347
39	CTCP Vật liệu Xây dựng Bưu Điện	PCM	40,000
40	CTCP Các hệ thống viễn thông VFT	VFT	35,839
41	CTCP Các hệ thống viễn thông VNPT - NEC	VINECO	40,276
Năm 2020 (Sau khi cổ phần hóa)			
42	Liên doanh Cấp đồng Lào - Việt	LVCC	22180.125
43	Công ty TNHH một thành viên cáp quang FOCAL (cổ phần hóa, niêm yết trên sàn chứng khoán và thoái vốn)	FOCAL	50000
44	CTCP cáp quang Việt Nam	VINA-OFC	89100
45	CTCP Vật liệu Bưu điện/Viễn thông TELVINA Việt Nam	PMC/Telvina	50000